

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 / 2015 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về một số nội dung, mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về một số nội dung, mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 21/TTr-STC ngày 26/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Các nội dung chi khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi quy định tại Quyết định này được áp dụng đối với:

1. Hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật các cấp; các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nguồn kinh phí xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật thực hiện theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, và thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

PHỤ LỤC**Một số nội dung, mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.***(Kèm theo Quyết định số 10/2015/QĐ -UBND ngày 31/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)**ĐV: 1.000 đồng*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
a	Xây dựng đề cương					
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	800	600	400	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.400	1.000	600	
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	2.000	1.500	1.000	
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	350	250	100	
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	150	100	70	
	Thành viên dự	Người/buổi	70	50	50	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	400	250	200	
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	150	100	
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	100	70	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	70	50	
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	200	150	100	
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	150	100	60	
e	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	350	250	200	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương

						trình, Đề án, Kế hoạch
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	350	200	200	
2	Chỉ thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a	Thù lao báo cáo viên cấp trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi	Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiêu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/T T-BTC			
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		200	100	
c	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi	Theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b của mục này			
d	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối	Người/buổi	<i>Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b,c mục này</i>			

	tượng đặc thù				
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù				
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	700		
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	300		
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.000		
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	3.500		
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày		30	Không quá 1 ngày
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		10	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường				
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường(đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	Tối đa 250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		Chi áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
b	Chi thuê người dẫn đường(không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		

6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi				
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác		Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT		
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.500	1.000	700
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	7.000	5.000	3.000
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	200	150
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)		Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính		
c	Chi giải thưởng				
	- Giải nhất	Giải thưởng			
	+ Tập thể		5.000	4.000	3.000
	+ Cá nhân		3.000	2.000	1.000
	- Giải nhì	Giải thưởng			
	+ Tập thể		4.000	3.000	2.000
	+ Cá nhân		2.000	1.500	1.000
	- Giải ba	Giải thưởng			
	+ Tập thể		3.000	2.000	1.500
	+ Cá nhân		1.000	700	500
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng			
	+ Tập thể		1.500	1.000	500
	+ Cá nhân		500	400	300
	- Giải phụ khác		400	300	200
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở.				
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75		Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh				

	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15		
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20		
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tử sách pháp luật				
a	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật hàng năm	Tử/năm	Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ		
b	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100		
c	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50		
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật				
a	Viết báo cáo				
	Báo cáo định kỳ hàng năm của địa phương	Báo cáo	2.000	1.500	1.000
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	2.000	1.000	500
	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	800	500	300
10	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã, phường); huyện, thành phố thuộc tỉnh;				
a	Khen thưởng xã-phường; huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn; tỉnh-thành phố được Bộ Tư pháp công nhận đạt chuẩn	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở		
b	Khen thưởng xã-phường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh; xã-phường, quận-huyện, tỉnh-thành phố được Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật toàn quốc	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở		
c	Khen thưởng xã-phường, quận- huyện, tỉnh-thành phố được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật toàn quốc	Bằng khen	Bằng 3 lần mức lương cơ sở		
			Áp dụng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành		